

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024; Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Kế hoạch thực hiện với các nội dung chủ yếu sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

Năm 2023, hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp đã có sự khởi sắc hơn, song nhìn chung vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Tăng trưởng về số doanh nghiệp thành lập mới, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động; vốn đăng ký đều giảm so với cùng kỳ năm 2022. Khó khăn, vướng mắc trong thực hiện dự án đầu tư chưa được cải thiện nhiều do công tác phối hợp chưa hiệu quả, tiếp tục là rào cản đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh; có thể dẫn tới giảm niềm tin và động lực kinh doanh.

Mặc dù tỉnh đã có nhiều chỉ đạo quyết liệt, linh hoạt và nỗ lực nhằm cải thiện mạnh mẽ và thực chất môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố đã có sự chủ động vào cuộc tích cực hơn để triển khai các giải pháp nhằm cải thiện các chỉ số thành phần bị giảm điểm và chỉ số thành phần có điểm số thấp so với năm 2021. Tuy nhiên, qua tiếp nhận ý kiến phản ánh của các doanh nghiệp, nhà đầu tư và các tổ chức kinh tế cho thấy, quá trình tổ chức thực hiện tại một số sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra; một số nội dung triển khai còn mang tính hình thức, chất lượng hiệu quả chưa rõ nét, đặc biệt, theo công bố của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) ngày 11/4/2023, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2022 của Tuyên Quang đạt 62,86 điểm, xếp thứ 52/63 tỉnh, thành phố; giảm 23 bậc so với năm 2021 và nằm trong số các tỉnh có điểm số thấp của cả nước. Trong 10 chỉ số thành phần (PCI) năm 2022, có 04 chỉ số tăng điểm: Cạnh tranh bình đẳng (tăng 0,7 điểm), Chi phí không chính thức (tăng 0,16 điểm), Đào tạo lao động (tăng 0,09 điểm), Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự (tăng 0,01 điểm); có 06 chỉ số bị giảm điểm như: Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp (giảm 0,95 điểm), Tính minh bạch (giảm

0,91 điểm), Tính năng động và tiên phong của chính quyền (giảm 0,74 điểm), Chi phí thời gian (giảm 0,53 điểm), Gia nhập thị trường (giảm 0,33 điểm), Tiếp cận đất đai (giảm 0,14 điểm).

Cùng với đó, VCCI lần đầu tiên công bố chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI), đây là bộ chỉ số chỉ số đánh giá và xếp hạng địa phương về môi trường kinh doanh xanh dưới góc nhìn từ thực tiễn kinh doanh: mức độ thích ứng với biến đổi khí hậu; mức độ tuân thủ pháp luật về môi trường; thực trạng ứng dụng công nghệ thân thiện môi trường của các doanh nghiệp tại địa phương; trình độ quản trị và ứng xử với môi trường của doanh nghiệp; mức độ quan tâm, chính sách khuyến khích hoạt động đầu tư thân thiện với môi trường của chính quyền địa phương và nhiều vấn đề liên quan đến môi trường quan trọng khác. Kết quả (PGI) tỉnh Tuyên Quang năm 2022 đạt 13,06 điểm, xếp thứ 59/63 tỉnh, thành phố và nằm trong số các tỉnh có điểm số thấp của cả nước. Các chỉ số thành phần (PGI) của tỉnh xếp khá thấp, cụ thể: (1) Vai trò lãnh đạo của chính quyền trong thúc đẩy thực hành xanh đạt 3,35 điểm, xếp thứ 59/63; (2) Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường tối thiểu đạt 4,57 điểm, xếp thứ 52/63; (3) Chính sách và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường đạt 1,79 điểm, xếp thứ 45/63; (4) Giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu (cho doanh nghiệp) đạt 3,4 điểm, xếp thứ 42/63.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024.

2. Yêu cầu

Các nhiệm vụ và giải pháp tổ chức thực hiện phải bám sát các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu và nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ; nâng cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu trong tổ chức thực hiện, xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố để tập trung thực hiện đồng bộ, kịp thời hiệu quả. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ tại đơn vị.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Cải thiện mạnh mẽ chất lượng môi trường đầu tư, kinh doanh để phù hợp với bối cảnh và xu thế phát triển, nhằm nâng cao vị thế của tỉnh trên bảng xếp hạng của cả nước. Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, công khai, minh bạch,

thu hút ngày càng nhiều nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đầu tư tại tỉnh; tăng nhanh về số lượng doanh nghiệp mới thành lập; giảm tỷ lệ doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động; tăng số lượng doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số; giảm chi phí đầu vào và chi phí tuân thủ pháp luật trong hoạt động đầu tư, kinh doanh; giảm rủi ro chính sách; củng cố niềm tin, tạo điểm tựa phục hồi và nâng cao sức chống chịu của doanh nghiệp, thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang khóa XVII, nhiệm kỳ 2020-2025, phần đầu “Đưa tỉnh Tuyên Quang phát triển khá, toàn diện, bền vững trong khu vực miền núi phía Bắc”.

2. Mục tiêu cụ thể năm 2024

- Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh tăng từ 20 bậc trở lên trong bảng xếp hạng (PCI) của cả nước, nằm trong các tỉnh có điểm số khá, điểm số đạt trên 65,4 điểm.

- Chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI) tăng từ 15 bậc trở lên đối với 04 chỉ tiêu thành phần và nằm trong các tỉnh có điểm số khá, điểm số đạt trên 14,5 điểm.

- Phần đầu trong năm 2024, thành lập mới được trên 300 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường trách nhiệm, tính chủ động trong thực hiện nhiệm vụ được phân công chủ trì, chịu trách nhiệm đối với các nhóm chỉ số, chỉ số thành phần (theo Kế hoạch số 199/KH-UBND ngày 29/8/2023 và phụ lục I kèm theo)

2. Chú trọng thực hiện các nhóm giải pháp trọng tâm

2.1. Tháo gỡ bất cập pháp lý trong thực hiện dự án đầu tư

- Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong phạm vi thẩm quyền, chủ động và khẩn trương tháo gỡ triệt để các rào cản đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh do chồng chéo, mâu thuẫn, không hợp lý, khác nhau của các quy định pháp luật. Đối với những vấn đề không thuộc thẩm quyền thì tập hợp vấn đề kèm theo các giải pháp tương ứng (nếu có) để kiến nghị tới các cơ quan có thẩm quyền.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ động rà soát khó khăn, vướng mắc đối với các dự án ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh, từ đó đề xuất giải pháp đẩy nhanh tiến độ đầu tư, xây dựng, hoàn thành đưa dự án vào sản xuất, kinh doanh.

2.2. Nâng cao chất lượng cải cách danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh

a) Các sở, ban, ngành:

- Chủ động nghiên cứu, rà soát ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực quản lý; đề xuất, kiến nghị đưa ra khỏi danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đối với những ngành nghề có thể áp dụng các biện pháp quản lý khác hiệu quả hơn.

- Chủ động rà soát, kiến nghị bãi bỏ các điều kiện kinh doanh theo hướng: Bãi bỏ điều kiện kinh doanh không hợp pháp, không cần thiết, không khả thi, không rõ ràng, khó xác định, khó dự đoán và không dựa trên cơ sở khoa học rõ ràng. Đối với các điều kiện kinh doanh không phù hợp với thực tiễn thì kiến nghị bãi bỏ hoặc sửa đổi theo hướng đơn giản hoá, tạo thuận lợi, giảm chi phí tuân thủ và không can thiệp quá sâu vào hoạt động của doanh nghiệp; Rà soát các loại chứng chỉ và kiến nghị bãi bỏ chứng chỉ không cần thiết, thu gọn các loại chứng chỉ có sự trùng lặp về nội dung để tránh lãng phí chi phí của xã hội.

- Thực hiện cập nhật kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, minh bạch, dễ tra cứu, dễ hiểu và dễ tiếp cận của hệ thống pháp luật. Đẩy mạnh thực hiện kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật, Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin liên quan khác để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình tra cứu, khai thác các thông tin liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh. Tích cực thực hiện tham vấn, tương tác với người dân, doanh nghiệp, đối tượng chịu sự tác động của quy định, văn bản quy phạm pháp luật thông qua Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.

b) Sở Tư pháp:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác xây dựng, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật.

- Thực hiện cập nhật kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật lên Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh Tuyên Quang thuộc Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, minh bạch, dễ tra cứu, dễ hiểu và dễ tiếp cận của hệ thống pháp luật. Đẩy mạnh thực hiện kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật, Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin liên quan khác để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình tra cứu, khai thác các thông tin liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh. Tích cực thực hiện tham vấn, tương tác với người dân, doanh nghiệp, đối tượng chịu sự tác động của quy định, văn bản quy phạm pháp luật thông qua Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.

c) Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố rà soát những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và đề xuất, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật. Phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, đề xuất sửa đổi các quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan theo hướng phù hợp với điều kiện thực tế; phù hợp với đặc điểm vị trí, địa lý hoặc đặc thù của dự án, công trình, phương tiện.

d) Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

- Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi các văn bản pháp luật để giảm gánh nặng chi phí cho doanh nghiệp, tháo gỡ những bất cập về điều kiện kinh doanh trong kinh doanh vận tải đường bộ bằng xe ô tô và trong lĩnh vực đào tạo, sát hạch lái xe.

- Chỉ đạo thực hiện các giải pháp đảm bảo hạ tầng đồng bộ, đủ năng lực tiếp nhận, sàng lọc, khai thác và sử dụng dữ liệu kết nối từ doanh nghiệp, nhất là dữ liệu camera từ xe ô tô kinh doanh vận tải.

2.3. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, đẩy mạnh cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa; triển khai hiệu quả Cổng thông tin một cửa quốc gia và của tỉnh

a) Các sở, ngành: Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh:

- Tiếp tục rà soát, đề xuất cắt giảm danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý, kiểm tra chuyên ngành. Việc rà soát, sửa đổi danh mục mặt hàng thuộc diện quản lý, kiểm tra chuyên ngành theo hướng: Cắt giảm các mặt hàng có mức độ rủi ro rất thấp hoặc gần như không có rủi ro; Bổ sung danh mục mặt hàng miễn, giảm kiểm tra chuyên ngành.

- Nghiên cứu, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại các văn bản pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành theo hướng: Áp dụng đầy đủ nguyên tắc về quản lý rủi ro dựa trên mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp và mức độ rủi ro của hàng hóa; phân biệt những vi phạm nhỏ mang tính hành chính, không ảnh hưởng đến giá trị và chất lượng của hàng hóa; Đơn giản hóa hồ sơ, quy trình, rút ngắn tối đa thời gian thực hiện thủ tục hành chính.

- Nhân rộng các mô hình kinh nghiệm chính sách tốt đã được chứng minh hiệu quả về cách thức quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh

của doanh nghiệp như Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm. Trong đó, đặc biệt chú trọng nhân rộng quy định về áp dụng quản lý rủi ro; chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành sau khi hàng hóa thông quan, lưu thông trên thị trường. Áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro dựa trên mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý chuyên ngành và cơ quan hải quan đối với hàng hoá sau thông quan; giảm thiểu kiểm tra đối với những doanh nghiệp có quá trình chấp hành tốt và không có lịch sử vi phạm các quy định pháp luật.

- Nghiên cứu, kiến nghị xây dựng pháp luật và nâng cao năng lực cho việc áp dụng phương thức kiểm tra tại nguồn và kiểm tra tại khâu lưu thông trên thị trường.

- Nâng cấp, hoàn thiện và triển khai hiệu quả, thực chất dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và các hệ thống thông tin dữ liệu chuyên ngành.

b) Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố liên quan thực hiện ngay việc áp dụng quy trình thủ tục hành chính mới liên quan đến hoạt động kinh doanh đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố, nhất là các quy định trong lĩnh vực dược, khám bệnh, chữa bệnh, an toàn thực phẩm...; Đẩy mạnh áp dụng dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành, nhất là các thủ tục đăng ký thuốc, kê khai giá thuốc.

2.4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước để nâng cao chất lượng quy định thủ tục hành chính và hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính

a) Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

- Thực hiện việc cập nhật, công khai, tham vấn dự thảo quy định kinh doanh trên Cổng Tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các quy định để bảo đảm mục tiêu về cải cách thủ tục hành chính theo Kế hoạch.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả việc đổi mới cơ chế Một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trên môi trường điện tử.

b) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thực hiện các chỉ tiêu tại Phụ lục II kèm theo Kế hoạch này theo quy định.

- Thực hiện đánh giá kết quả chỉ số chỉ đạo, điều hành và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử đối với cấp tỉnh và cấp huyện; đồng thời hướng dẫn cấp huyện thực hiện việc đánh đổi với cấp xã trực thuộc.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố có liên quan xây dựng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục các nhóm thủ tục hành chính liên thông điện tử, tích hợp, cung cấp lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp dựa trên dữ liệu theo thời gian thực hiện của các sở ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố theo bộ chỉ số tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử; Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 19/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

c) Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục nghiên cứu nâng cấp, phát triển Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tích hợp, kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trên môi trường điện tử.

2.5. Tăng khả năng tiếp cận và hấp thụ vốn cho doanh nghiệp

a) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp tục thực hiện các giải pháp hướng tín dụng vào các lĩnh vực ưu tiên, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và các động lực tăng trưởng theo chủ trương, chỉ đạo của Trung ương và tỉnh.

b) Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp tục xử lý dứt điểm những vướng mắc, bất cập trong việc xử lý các loại phí, lệ phí, quản lý tài sản, xác định giá đất đảm bảo quyền lợi chính đáng của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

c) Cục Thuế tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, huyện, thành phố tháo gỡ các vướng mắc về hoàn thuế giá trị gia tăng; giải quyết hoàn thuế giá trị gia tăng kịp thời cho doanh nghiệp, người nộp thuế đảm bảo đúng đối tượng, chính sách, quy định.

2.6. Hoàn thiện chính sách nhằm thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư, sản xuất, kinh doanh gắn với đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, hướng tới phát triển bền vững

a) Các Sở, ban, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tiếp tục tham mưu các giải pháp tăng vị trí xếp hạng, nâng cao Chỉ số Xanh cấp tỉnh (PGI).

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham gia đóng góp xây dựng quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật hoặc quy định khi sử dụng nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường làm nước tưới cây; nước thải từ hoạt động chăn nuôi, xử lý phụ phẩm nông nghiệp tái sử dụng cho mục đích khác theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

c) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

- Tiếp tục phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thích ứng với cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Khuyến khích doanh nghiệp thúc đẩy việc chuyển giao, ứng dụng các công nghệ tiên tiến cùng với nâng cao năng lực tiếp nhận và đổi mới công nghệ, năng lực quản trị doanh nghiệp, trình độ và kỹ năng nguồn nhân lực, triển khai chuyển đổi số, đổi mới quy trình sản xuất và mô hình kinh doanh của doanh nghiệp phù hợp với quá trình đổi mới công nghệ.

- Làm đầu mối phối hợp với cơ quan chuyên môn của Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan của tỉnh thu thập dữ liệu, tài liệu minh chứng của tỉnh phục vụ đánh giá Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương.

d) Các sở, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực hoạt động, mở rộng các thị trường tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp.

đ) Ủy ban nhân dân huyện, thành phố bố trí nguồn lực, tích cực, chủ động phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan để thu thập, cung cấp các dữ liệu tại địa phương và đặt mục tiêu cải thiện chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương hàng năm trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.7. Nâng cao chất lượng các dịch vụ phát triển kinh doanh

a) Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố triển khai giải pháp nâng cao hiệu quả các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; tư vấn và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; chú trọng giải pháp tư vấn,

đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp với các nội dung tái cấu trúc doanh nghiệp, tài chính, nhân sự, thị trường, quản trị rủi ro, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, tham gia chuỗi giá trị bền vững, thủ tục hành chính,...

b) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố liên quan triển khai các hoạt động cung cấp thông tin, kết nối, mở rộng thị trường cho doanh nghiệp. Đặc biệt, chú trọng tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại đến các thị trường trong nước và nước ngoài.

c) Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh chủ trì phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tuyên truyền và nâng cao hiệu quả công tác hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp khai thác, tận dụng cơ hội từ các Hiệp định thương mại tự do. Đồng thời, thông tin, kết nối đến các doanh nghiệp thành viên tiếp cận các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong chuyển đổi số, mở rộng thị trường, phát triển nguồn nhân lực, áp dụng các mô hình chuyển đổi xanh, kinh doanh bền vững.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024 theo Kế hoạch này và các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thực hiện nghiêm chế độ báo cáo tình hình và kết quả triển khai Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024 theo quy định, trong đó báo cáo 6 tháng (*trước ngày 10/6/2024*) và báo cáo năm (*trước 10/12/2024*) gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) để tổng hợp báo cáo Chính phủ theo quy định.

3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Chính phủ về tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết theo quy định.

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan theo dõi, đánh giá tình hình và kết quả ứng dụng công nghệ thông tin, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước trong giải quyết thủ tục hành chính, báo cáo Văn phòng chính phủ các nội dung theo đề nghị.

5. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức khảo sát, đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và huyện, thành phố tỉnh Tuyên Quang (DDCI).

6. Các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện thành phố tăng cường tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Kế hoạch này và các chương trình, kế hoạch, văn bản thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia./.

Nơi nhận: *na*

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư; (Báo cáo)
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Liên đoàn TM và CN Việt Nam;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND huyện, thành phố;
- UBMTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các hiệp hội doanh nghiệp trong tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, THVX (P.Tuân).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sơn
Nguyễn Văn Sơn

**PHÂN CÔNG CƠ QUAN ĐẦU MỐI CHỦ TRÌ, CHỊU TRÁCH NHIỆM CÁC
CHỈ SỐ THÀNH PHẦN CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH
TỈNH TUYÊN QUANG NĂM 2024**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

STT	Chỉ số thành phần	Cơ quan, đơn vị chủ trì phụ trách chỉ số thành phần	Cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện
1	Gia nhập thị trường	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cục Thuế tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông; Bưu điện tỉnh Tuyên Quang; các cơ quan, đơn vị liên quan và các cơ quan, đơn vị cấp phép kinh doanh
2	Tiếp cận đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND huyện, thành phố	Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh
3	Tính minh bạch	Các Sở, ban, ngành, đơn vị, UBND huyện, thành phố, các chủ đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND huyện, thành phố
4	Chi phí thời gian	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Nội vụ; Thanh tra tỉnh; Cục Thuế tỉnh; các Sở, ban, ngành liên quan khác; UBND huyện, thành phố
5	Chi phí không chính thức	Thanh tra tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường, Tòa án nhân dân tỉnh; Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố
6	Cạnh tranh bình đẳng	Sở Kế hoạch và Đầu tư; các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	Sở Tài nguyên và Môi trường; Ban Quản lý các Khu công nghiệp; Trung tâm Xúc tiến đầu tư; CN Ngân hàng Nhà nước tỉnh; Cục Thuế tỉnh; Các Sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố, đơn vị
7	Tính năng động của chính quyền tỉnh	Các Sở, ban, ngành, đơn vị; UBND huyện, thành phố	Các Sở, ban, ngành, đơn vị; UBND huyện, thành phố
8	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở: Công Thương, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ; Giáo

			dục và Đào tạo; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư; Các sở, ban, ngành khác và UBND huyện, thành phố
9	Đào tạo lao động	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo; Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật – Công nghệ; Trường Đại học Tân Trào; các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố
10	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Sở Tư pháp	Tòa án tỉnh; Thanh tra tỉnh; Cục Thi hành án dân sự tỉnh; Công an tỉnh; Sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố

**CHỈ TIÊU CỤ THỂ VỀ CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
GẮN VỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan chủ trì đánh giá
I	Cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, quy định kinh doanh				
1	Cập nhật dữ liệu quy định kinh doanh trên Cổng Tham vấn và Tra cứu quy định kinh doanh.	%	100	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Sở Kế hoạch và Đầu tư
II	Nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công				
1.	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC có đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	%	Tối thiểu 80	Sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn	Sở Thông tin và Truyền thông
2.	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công.	%	Tối thiểu 45	Sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn	Sở Thông tin và Truyền thông
3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết TTHC.	%	Tối thiểu 50	Sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn	Sở Thông tin và Truyền thông
4.	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.	%	Tối thiểu 80	Sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn	Sở Thông tin và Truyền thông
5.	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử.	%	100	Sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố;	Sở Thông tin và Truyền thông

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan chủ trì đánh giá
				UBND xã, phường, thị trấn	
6.	Tỷ lệ thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính tại UBND cấp xã và Phòng Tư pháp cấp huyện.	%	100	UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn	Sở Tư pháp
7.	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa.	%	Tối thiểu 50	Sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn	Sở Thông tin và Truyền thông
8.	Tỷ lệ các bệnh viện từ hạng 2 trở lên cung cấp thanh toán viện phí trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	%	Tối thiểu 50	các bệnh viện từ hạng 2 trở lên	Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh
9.	Tỷ lệ công bố, công khai TTHC đúng hạn.	%	100	Sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh
10.	Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ TTHC được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	%	100	Sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn	Văn phòng UBND tỉnh
11.	Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn.	%	100	Sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn	Văn phòng UBND tỉnh
12.	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp.	%	Tối thiểu 90	Sở, ban, ngành; UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn	Văn phòng UBND tỉnh